

Bản án số: **70/2019/DS-PT**

Ngày: 14/6/2019

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu
cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hải Thanh.

- Các Thẩm phán: Ông Đặng Bảo Vĩnh;

Ông Vũ Minh Tuấn.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vy Minh Huyền - Cán bộ Toà
án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:
Ông: Phạm Văn Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội
xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2018/TLPT-DS, ngày
26 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST, ngày 13 tháng 11 năm 2018
của Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6105/2019/QĐ-PT, ngày 15 tháng
5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thu L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Bản Hung
Phong, xã Bản Bo, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Xuân L1, sinh năm 1956 (bố chị
L) và bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1962 (mẹ chị L). Địa chỉ: Bản TT, thị trấn
TĐ, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1958. Địa chỉ: Bản TT, thị trấn TĐ,
huyện TĐ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Quý Đ, sinh năm 1989 (con
trai bà G). Địa chỉ: Bản TT, thị trấn TĐ, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện TĐ, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn S - Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 28/01/2019). Có mặt.

- Bà Hoàng Thị Nh, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số nhà 52C, ngách 62, ngõ 296 MK, phường VT, quận HBT, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 03 năm 2018 và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn chị Đặng Thị Thu L và người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Xuân L1 và bà Nguyễn Thị Kh trình bày:

Năm 2007 chị L có nhận chuyển nhượng của bà Hoàng Thị Nh một ngôi nhà hai tầng và đất thổ cư tại bản Đồng Khởi, thị trấn TĐ, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu với giá tiền là 390.000.000 đồng. Trước khi chuyển nhượng hai bên có báo cáo Ủy ban nhân dân (Viết tắt: UBND) thị trấn TĐ, sau đó UBND thị trấn TĐ có cho ông Vin là cán bộ địa chính phường xuống đo đất. Ngày 05/01/2015 chị L được UBND huyện TĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 76,5m², thuộc tờ bản đồ số 6, thửa 240. Ngôi nhà hai tầng gia đình mua của bà Nh đã sử dụng ổn định từ năm 2007 đến nay có mi mái và mi cửa sổ đưa ra; dưới mi mái và mi cửa sổ là khoảng đất trống rộng 0,5m, dài 15,8m; phía dưới khoảng trống này là hệ thống ống thoát nước thải sinh hoạt của gia đình bà Nh để lại. Tháng 4/2016 gia đình bà G phá nhà gỗ cũ để dựng nhà mới đã dựng cột thép sắt vào tường nhà mà chị L đã mua. Sự việc đã được UBND thị trấn TĐ giải quyết, sau đó bà G đã dựng cột mái tôn trả lại phần đất 0,5m chiều rộng cho gia đình chị L. Do phía sau đất của bà G chéo hình tam giác nên không dựng nhà được, bà G vẫn còn lấn của chị L phần đất có chiều rộng 0,5m, chiều dài 8m, diện tích khoảng 4m² để làm nhà vệ sinh. Nay chị L, ông L1, bà Kh yêu cầu bà G dỡ bỏ bức tường mộc trả lại phần đất đang chiếm giữ cho chị L.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị G là anh Nguyễn Quý Đ trình bày: Năm 2003 bố mẹ anh là ông H và bà G có mua một mảnh đất và ngôi nhà gỗ ba gian lợp ngói của bà Hoàng Thị Nh, chồng là Lê Văn Lượng, khi mua có giấy tờ với giá là 10.000.000 đồng và sử dụng ổn định. Đến khi dỡ nhà cũ ra để làm lại thì gia đình bà Nh có tặng cho phần đất giáp ranh giữa nhà anh với nhà bà Nh rộng 0,5m, dài khoảng 20m. Việc bà Nh cho đất có làm giấy tờ nhưng không qua chính quyền địa phương. Sau đó chị L đã mua lại ngôi nhà hai tầng của bà Nh. Năm 2015 chị L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình anh không biết. Sau đó anh Đ phát hiện đất thực tế chị L mua và đất được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không trùng nhau, khi chị L làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bố anh là ông H đã chết, chữ ký của bố anh ký xác nhận hộ giáp ranh là giả mạo. Khi tranh chấp đã ra UBND thị trấn hoà giải nhưng gia đình chị L không đồng ý.

Ngày 6/4/2018 anh Đ đã nộp đơn yêu cầu phản tố đề nghị Toà án xem xét lại quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Đặng Thị Thu L; lời khai ngày 13/7/2018 (BL189) anh Đ yêu cầu Toà án huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 107521 ngày 05/01/2015 do UBND huyện TĐ đã cấp cho chị L. Anh không nhất trí trả lại đất cho chị L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Nh trình bày (BL203): Gia đình bà có một mảnh đất và hai ngôi nhà, 01 nhà xây hai tầng và 01 nhà gỗ. Năm 2003 bà bán ngôi nhà gỗ cho ông H bà G, chiều bắm mặt đường 4D là 4,9m. Năm 2007 bà bán ngôi nhà hai tầng cho chị L có chính quyền địa phương xác nhận. Phần giáp gianh giữa hai ngôi nhà này bà chừa lại một phần đất rộng 0,5m làm lối đi. Năm 2006 do không có nhu cầu sử dụng nên bà cho gia đình ông H sử dụng.

Người làm chứng ông Vũ Ngọc V trình bày: Năm 2007 khi bà Nh chuyển nhượng nhà đất cho chị L thì ông L1 bà Kh (bố mẹ chị L) mời UBND thị trấn TĐ xuống kiểm tra để làm thủ tục, hai bên chỉ mốc giới chuyển nhượng, ông đã dùng thước dây để đo và lên sơ đồ trích lục (BL252), ông L1 bà Kh cũng không chỉ rõ cho ông biết phía dưới phần đất trống cạnh nhà có đường ống thoát nước nên ông không đo phần đó. Phía sau ngôi nhà không đo được nên ông nghĩ phía sau bằng phía trước nên ông ghi phía sau ngôi nhà bằng phía trước là 4,6m. Sau đó các bên đi làm thủ tục như thế nào ông không biết. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn S, Phó Chủ tịch UBND huyện TĐ trình bày: Quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ chị Đặng Thị Thu L đảm bảo đúng quy định. Tuy nhiên khi xin chữ ký giáp ranh các hộ liền kề thì gia đình chị L tự đi xin, tại thời điểm đó ông H đã chết. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/10/2018, xác định ngôi nhà hai tầng, tính cả phần mi mái và mi cửa sổ đưa ra nằm trên diện tích đất tính là 75,8m² bao gồm cả phần đất có ống thoát nước sinh hoạt nằm dưới giáp ranh giữa nhà chị L. Phía trước ngôi nhà có số đo 4,81m, phía sau có số đo 4,45m. Độ dài ngôi nhà tính từ tim đường quốc lộ trừ hành lang giao thông 11m có số đo 15,6m. Diện tích đất hai gia đình đang tranh chấp là 4,5m² nằm phía trên ống thoát nước, phía dưới mi mái và mi cửa sổ của ngôi nhà hai tầng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu đã căn cứ vào Điều 26, Điều 34, Điều 200, Điều 147, Điều 157, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính; Điều 270, 274, 275, 276, Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 122, 689, 698, 723 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thu L;

Buộc bà Nguyễn Thị G phải dỡ bỏ các vật kiến trúc trên đất, trả lại cho chị Đặng Thị Thu L 4,5m² đất có các cạnh như sau: Phía Nam: M16 - M10 = 0,2m; Phía Đ có cạnh M10 - M9 = 5,3m; M9 - M8 = 1,44m; M8 - M7 = 4,6m; M7 - M6 = 2,85m; Phía Bắc giáp giáp nhà ông Nguyễn Ngọc Ngàn M6 - M15 = 0,2m; Phía Tây giáp tường nhà chị L: M16 - M15 = 13,88m. Địa chỉ: Thửa đất 240, tờ bản đồ 68, bản Đồng Khởi, thị trấn TĐ, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị G là anh Nguyễn Quý Đ về việc yêu cầu Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 107521 ngày 05/01/2015 của UBND huyện Tam Đường đã cấp cho chị Đặng Thị Thu L.

Ngoài ra, bản án còn quyết định chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/11/2018, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Bà G) là anh Nguyễn Quý Đ có đơn kháng cáo không chấp nhận trả đất cho chị L; đề nghị huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện TĐ đã cấp cho chị Đặng Thị Thu L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu nào mới, không thỏa thuận được với nhau về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị Nh thừa nhận phía dưới diện tích đất tranh chấp có đường thoát nước thải từ công trình phụ phía sau của ngôi nhà 02 tầng đã chuyển nhượng cho chị L thoát ra công đường phố. Khi cho đất ông H thì bà Nh không nói có công trình phụ ở dưới nước; năm 2016 anh Đ có đến nhà bà Nh ở Hà Nội đề nghị bà ký vào giấy cho đất do anh Đ lập sẵn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự: Đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đúng thời hạn, đúng quy định nên đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu do các đương sự cung cấp thể hiện tại Giấy nhượng đất thổ cư giữa ông Lê Văn Lượng và ông Nguyễn Quý Hương thì diện tích đất có hình tam giác, giáp mặt đường Quốc lộ, rộng 4,9m, dài 15m; tại phiếu điều tra chi tiết đất đai ngày 26/11/2004 sơ đồ thể hiện có chiều rộng mặt đường Quốc lộ 4B là 4,9m; theo Sơ đồ thẩm định tại chỗ thì diện tích đất chiều rộng mặt đường Quốc lộ 4B là 4,92m, phần đất lấn sang đất tranh chấp của chị L là 0,2m. Đối với phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho chị L có chiều rộng giáp mặt đường Quốc lộ 4B là 4,9m, chiều dài giáp nhà ông H là 21m. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình chị L hiện trạng có chiều rộng mặt Quốc lộ 4B giáp đất bà G là 4,9m. Như vậy, thực tế diện tích của gia đình bà G sử dụng lớn hơn diện tích đã nhận chuyển nhượng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nh thừa nhận diện tích đất thừa có công trình phụ của ngôi nhà 2 tầng đã chuyển nhượng cho chị L. Khi cho đất ông H thì bà không nói có công trình phụ ở dưới đất, việc tặng cho đất trong đó có công trình phụ đã bán cho chị L. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà G phải tháo dỡ các công trình kiến trúc trên đất, trả lại đất cho chị L là có căn cứ và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà G về việc huỷ Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cấp cho chị L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà G, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét kháng cáo của anh Nguyễn Quý Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét hợp đồng chuyển nhượng nhà và đất thổ cư giữa bà Hoàng Thị Nh và chị Đặng Thị Thu L: Tại Giấy biên nhận ngày 06/7/2007(BL209) do bà Nh viết có nội dung : “ *Tên tôi Hoàng Thị Nh bán Mường Mớ, TĐ, Lai Châu có chuyển nhượng cho chị L đất thổ cư + ngôi nhà hai tầng với số tiền 390.000.000 đồng*”. Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (BL155) cùng ngày 06/7/2007 có xác nhận của UBND Thị trấn TĐ, bà Hoàng Thị Nh và ông Lê Văn Lượng có chuyển nhượng cho chị Đặng Thị Thu L 74m² đất thổ cư sử dụng trước năm 1993, thuộc thửa số 240, tờ bản đồ 68, địa chỉ thửa đất bản Mường Mớ, thị trấn TĐ với số tiền là 200.000.000 đồng. Về hình thức và nội dung của hợp đồng nêu trên đã đảm bảo theo đúng quy định tại điều 689, 698 Bộ luật Dân sự năm 2005; thỏa mãn các quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005 về "Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự". Mặc dù trong "Giấy biên nhận" và "Hợp đồng chuyển nhượng" không có sơ đồ thửa đất, tuy nhiên tại thời điểm xác lập giao dịch thì ngôi nhà đã hình thành. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 27/9/2018 và 24/10/2018 của Tòa án cấp sơ thẩm xác định hiện trạng ngôi nhà hai tầng bà Nh bán cho chị L không có gì thay đổi. Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định ngôi nhà hai tầng có mi mái đua ra hai bên so với tường nhà mỗi bên 16cm, cửa sổ đua ra so với tường nhà 44cm. Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, Bản án sơ thẩm đã công nhận diện tích đất là 75,8m² bao gồm cả phần diện tích đất phía dưới của mi mái và mi cửa sổ đua ra của ngôi nhà hai tầng có công trình thoát nước ngầm mà bà Nh đã bán cho chị L là đúng pháp luật và phù hợp với hiện trạng sử dụng thực tế của gia đình bà Nh trước đây cũng như gia đình chị L hiện tại.

[2] Xem xét văn bản về việc tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/3/2006 giữa bà Hoàng Thị Nh và ông Nguyễn Quý Hường. Cả bà Nh và anh Nguyễn Quý Đ đều thừa nhận: Năm 2003 bà Nh bán ngôi nhà gỗ cho ông H bà G có chiều bắm mặt đường 4Đ là 4,9m, không bao gồm diện tích đất đang tranh chấp; bà Nh đã cho gia đình anh Đ sử dụng phần diện tích đất đang tranh chấp từ năm 2006 (nói miệng), năm 2016 anh Đ có lên nhà bà Nh ở Hà Nội đề nghị bà ký vào giấy cho đất do anh Đ lập sẵn. Theo đó, bà Nh cho ông Nguyễn Quý Hường diện tích đất trống giữa ngôi nhà mà bà Nh đã bán cho chị L và nhà đã bán cho ông H có chiều rộng 50cm, chiều dài 20cm (*Anh Đ cho rằng anh viết nhầm, thực ra chiều dài là 20m!*). Văn bản này không được công chứng chứng thực theo quy định tại điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2005. Nội dung hợp đồng không theo đúng quy định tại điều 723 Bộ luật Dân sự năm 2005 (*không rõ loại đất, hạng đất, số hiệu, ranh giới, tình trạng đất, kích thước cũng không phù hợp với diện tích đang tranh chấp...*). Vì vậy, bản án sơ thẩm xác định văn bản anh Đ lập về việc bà Nh tặng cho ông H phần đất đang tranh chấp mà phía dưới có công trình thoát nước ngầm thuộc về kiến trúc xây

dựng của ngôi nhà hai tầng bà Nh đã bán cho chị L vô hiệu là có căn cứ, đúng pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Quý Đ về việc không trả lại diện tích đất đang tranh chấp với chị L và đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 107521 ngày 05/01/2015 của UBND huyện TĐ đã cấp cho chị Đặng Thị Thu L, Hội đồng xét xử xét thấy: Quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện TĐ cho chị L đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Theo quy định, cán bộ địa chính khi trích lục sơ đồ thửa đất để đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định phải đi lấy chữ ký của các hộ giáp ranh; tuy nhiên, cán bộ địa chính của đã không thực hiện mà giao cho ông L1 là bố đẻ của chị L đi xin chữ ký của các chủ hộ liền kề, dẫn đến việc ông L1 đã tự ký tên ông H, trong khi tại thời điểm đó ông H đã chết. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông L1 ký thay ông H nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông H, bà G, cụ thể: Căn cứ vào sơ đồ chuyển nhượng đất giữa bà Nh và gia đình ông H bà G, bà Nh bán cho ông H bà G thửa đất có mặt tiền phía Nam giáp Quốc lộ 4D là 4,9m, qua thẩm định hiện là 4,92m (rộng hơn 02cm). Mặt khác, căn cứ vào diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ chị L là 76,5m², diện tích thẩm định theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/10/2018 thì ngôi nhà hai tầng nằm trên diện tích đất là 75,8m², chị L cũng không khiếu nại về việc thiếu hụt diện tích do sai số không đáng kể. Do đó, Bản án sơ thẩm buộc bà G phải dỡ bỏ các vật kiến trúc trên đất, trả lại cho chị L 4,5m² đất và không chấp nhận yêu cầu của bà G về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 107521 ngày 05/01/2015 của UBND huyện TĐ đã cấp cho chị L là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm tại phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của chị L và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quý Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quý Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu như sau:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 34, Điều 200, Điều 147, Điều 157, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính; Điều 270, 274, 275, 276, Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 122, 689, 698, 723 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thu L;

Buộc bà Nguyễn Thị G phải dỡ bỏ các vật kiến trúc trên đất, trả lại cho chị Đặng Thị Thu L 4,5m² đất có các cạnh như sau: Phía Nam: M16 - M10 = 0,2m; Phía Đ có cạnh M10 - M9 = 5,3m; M9 - M8 = 1,44m; M8 - M7 = 4,6m; M7 - M6 = 2,85m; Phía Bắc giáp giáp nhà ông Nguyễn Ngọc Ngân M6 – M15 = 0,2m; Phía Tây giáp tường nhà chị L: M16 - M15 = 13,88m, địa chỉ: Thửa đất 240, tờ bản đồ 68, bản Đồng Khởi, thị trấn TĐ, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị G là anh Nguyễn Quý Đ về việc yêu cầu Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 107521 ngày 05/01/2015 của UBND huyện Tam Đường đã cấp cho chị Đặng Thị Thu L.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Quý Đ phải chịu 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng anh Đ đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền số AA/2010/0003220 ngày 28/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu. Anh Đ đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (Án phí sơ thẩm, chi phí thẩm định) không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh